

Name:

Class: S3...

Date:/...../.....

Listening:



LISTENING INTENSIVE

Mẹo: phân tích tranh



1. Nhìn kỹ bức tranh:

- Nhìn toàn bộ bức tranh trước. Chuyện gì đang xảy ra? Họ đang ở đâu?

→ They are in a car. The old man is driving the car.

2. Tìm chi tiết chính:

- Người: Ai đang có mặt trong bức tranh? – a man and a girl
- Hành động: Họ đang làm gì? – drive, travel
- Đồ vật: Em thấy những vật gì? – red car, seatbelt
- Địa điểm: Họ đang ở đâu? – in a car
- Thời tiết / Thời gian: – sunny

3. Tìm dấu hiệu:

- Nhìn vào nét mặt, quần áo và khung cảnh phía sau để hiểu thêm câu chuyện.

→ They are smiling → happy, excited

4. Sử dụng các từ tiếng Anh em đã biết:

- Hãy nói hoặc viết những gì em thấy bằng các từ và câu đơn giản.

→ The man, drive, with a girl: The man is driving with a girl.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-1-new-test-3-part-3>

Part 3

– 5 questions –

Zoe slept at her grandparents' house all week. They went to lots of places. What did Zoe do in these places?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



village

C



cinema

☐



café

☐



mountain

☐



lake

☐



waterfall

☐



A



B



C



D



E



F



G



H

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-1-new-test-1-part-3>

Part 3

– 5 questions –

Where did Harry's grandma take pictures of these people?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Grandpa

A



Lucy



Jane



William



Oliver



Sophia



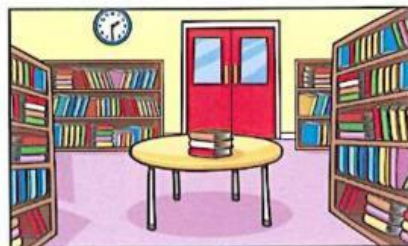
A



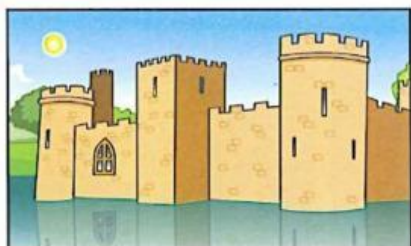
B



C



D



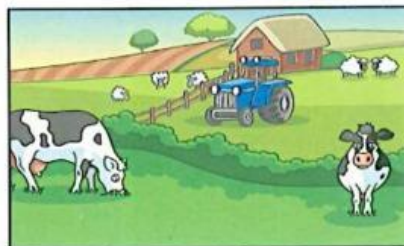
E



F



G



H

Name:

Class: S3...

Assignment date: .../.../...

Submission date: .../.../...

Grammar:

Listening:

Mini test:

LISTENING INTENSIVE

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	bench (n)	ghế dài, băng ghế	3	unusual (adj)	không bình thường
2	skateboard (n)	ván trượt	4	walk the dog (phr)	dắt chó đi dạo

**Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer for each sentence. (Khoanh vào đáp án đúng cho từng câu.)

0. **Are** / **Is** you watching TV?

1. **Is** / **Are** you going to the park? - Yes, I **am** / **aren't**.

2. **Is** / **Are** she playing the piano? - No, she **isn't** / **is**.

3. **Am** / **Are** they talking to the teacher? - Yes, they **are** / **aren't**.

4. **Is** / **Are** he sleeping now? - No, he **isn't** / **is**.

5. **Are** / **Is** you reading a book? - Yes, I **am** / **aren't**.

II. Complete the passage using the PRESENT CONTINUOUS form of verbs.

(Hãy hoàn thành đoạn văn sử dụng thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN của động từ.)



In the picture, there is a young girl in a park. She (0) is standing (**stand**) on a skateboard and she (1) _____ (**smile**) and looking at a picnic basket full of food. Next to the basket, there is a cat. It (2) _____ (**sleep**) on a bench, and behind the bench, there is a bird. It (3) _____ (**not fly**), it is walking on the ground. There is another bird as well, but it (4) _____ (**fly**). There is also a butterfly,

and it is flying too. In the background, there is a man. He (5) _____ (walk) his dog. He should be careful because there is a man driving very fast on the road behind him.

III. Look at the pictures, complete the sentences using the PRESENT CONTINUOUS form of verbs.
(Nhìn vào các bức tranh, hoàn thành câu sử dụng hình thức HIỆN TẠI TIẾP DIỄN của động từ.)

0.  listen	1.  drink	2.  read	3.  study	4.  brush	5.  watch
---	--	---	---	--	--

0. What is she doing? - She is listening to music.

1. What is he doing? - _____ water because he is thirsty.

2. What are they doing? - _____ a comic.

3. What are you doing? - _____ in the classroom.

4. What are Mina and Tom doing? - _____ their teeth.

5. What are your parents doing? - _____ TV.

IV. Read and answer with your own ideas. (Đọc và trả lời với ý tưởng của con.)

0.

A: It's 4:00 in the morning (now). What are you doing?

B: I am sleeping.

1.

A: It's 8:30 in the morning (now). What are you doing?

B: I _____.

2.

A: It's 12:00 (now). What are you doing?

B: I _____.

3.

A: It's 1:30 in the afternoon (now). What are you doing?

B: I _____.

4.

A: It's 3:45 in the afternoon (now). What are you doing?

B: I _____.

Part 3

– 5 questions –

Where did each person go?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Richard

E



Helen



Jim



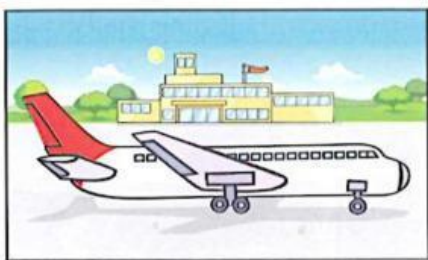
Lucy



Oliver



Jane



A



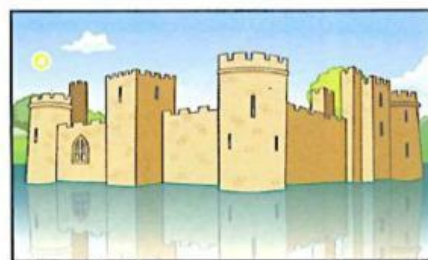
B



C



D



E



F



G



H